ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ DÂN TIẾN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 508 /QĐ-UBND	*Dân Tiến, ngày 31 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản xã Dân Tiến năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ DÂN TIẾN

Căn cứ Luật chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 151/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

Căn cứ Thông tư số 144/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 151/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

Xét đề nghị của Công chức Tài chính-kế toán xã Dân Tiến

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản xã Dân Tiến năm 2022.

(Có biểu mẫu 09b-CK/TSC; Mẫu 09c-CK/TSC kèm theo)

Điều 2. Giao cho Văn phòng HĐND-UBND và Bộ phận Tài chính-kế toán xã thực hiện công khai tài sản theo đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

Điều 3. Các ông (bà) Văn phòng HĐND-UBND, Tài chính-kế toán chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Phòng TC-KH huyện ;
- Đảng ủy-HĐND xã ;
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Lưu: VP.

CHỦ TỊCH

Trần Lê Dũng

Bộ, tỉnh: Tỉnh Thái Nguyên
Cơ quan quản lý cấp trên: HĐND-UBND huyện Võ Nhai
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: UBND xã Dân Tiến
Mã đơn vị: T55038022
Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

Mẫu 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP NĂM 2022

Stt	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà										Ghi chú
		Diện tích (m^2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m^2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng(m^2)	Giá trị theo sổ kế toán		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện						
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*
1	Đất trụ sở làm việc UBND xã Dân Tiến,Xóm Đồng Chuối, xã Dân Tiến, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên	3.418,00	4.785.120,00	3.418,00																
2.1	Nhà 2 tầng,xã Dân Tiến, Xã Dân Tiến, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên									2008	400,00	2.000.000,00	22.800,00	400,00						
3.1	nhà 2 tầng,xã Dân Tiến, Xã Dân Tiến, Huyện Võ									2008	400,00	2.000.000,00	22.800,00	400,00						
4.1	Nhà văn hóa xóm Làng Chẽ,Xóm Đồng Chuối,									2015	300,00	150.000,00	69.960,00	300,00						

5.1	Nhà văn hóa xóm Tân Tiến,Xóm Tân Tiến, Xã Dân Tiến, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên									2016	200,00	150.000,00	79.965,00	200,00								
6.1	Nhà văn hóa xóm Ba Phiêng,Xã Dân Tiến, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên									2015	300,00	150.000,00	69.960,00	300,00								
7.1	Nhà văn hóa xóm Đồng Chuối,Xóm Đồng Chuối, Xã Dân Tiến, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên									2015	300,00	150.000,00	69.960,00	300,00								
8.1	Nhà văn hóa xóm Đồng Quán,Xóm Đồng Chuối, Xã Dân Tiến, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên									2015	300,00	150.000,00	69.960,00	300,00								
9.1	Nhà văn hóa xóm Đồng Vòi,XÓm Đồng Chuối,									2017	300,00	150.000,00	89.970,00	300,00								
10.1	Nhà văn hóa xóm Đồng Rã,Xóm Đồng Rã, Xã Dân									2015	200,00	150.000,00	69.960,00	200,00								
11.1	Nhà làm việc UBND Xã Dân Tiến,Xóm Đồng Chuối, Xã Dân Tiến, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên									2009	500,00	2.967.535,14	226.719,68	500,00								

12.1	Nhà văn hóa xóm Đoàn Kết,Xóm Đồng Chuối, Xã Dân									2015	300,00	150.000,00	69.960,00	300,00							
13.1	Nhà Văn hóa xóm Làng Mười,Xã Dân Tiến, Huyện									2019	200,00	150.000,00	109.980,00	200,00							
14	đất trụ sở 01,xã Dân Tiến, Xã Dân Tiến, Huyện	3.000,00	2.000.000,00	3.000,00																	
15.1	Nhà văn hóa xóm Bắc Phong, Xã Dân Tiến, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên									2017	300,00	150.000,00	89.970,00	300,00							
16.1	Phòng chức năng nhà văn hóa xã Dân Tiến,Xóm Đồng Chuối, Xã Dân Tiến, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên									2020	170,00	701.500,00	561.129,85	170,00							

NGƯỜI LẬP PHIẾU
(Ký, họ tên)

Nông Văn Dũng

Dân Tiến, ngày 31 tháng 12 năm 2022
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Trần Lê Dũng

Mẫu 09c-CK/TSC

Bộ, tỉnh: Tỉnh Thái Nguyên
Cơ quan quản lý cấp trên: HĐND-UBND huyện Võ Nhai
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: UBND xã Dân Tiến
Mã đơn vị: T55038022
Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC NĂM 2022

Stt	Danh mục xe	Bộ phận	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
I	**Ô tô**													
II	**Tài sản cố định khác**		**83**	**46.669.844,78**	**42.891.647,68**	**3.778.197,10**	**31.392.497,90**							
	Tài sản trên 500 triệu		**27**	**36.531.675,29**	**34.181.743,29**	**2.349.932,00**	**25.491.018,36**							
1	Khu thể thao xã Dân Tiến	Đảng ủy, HĐND, UBND	1	3.375.700,00	3.375.700,00		3.038.130,00							X
2	Hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tạp trung của HTX dịch vụ nông lâm nghiệp và môi trường xã Dân Tiến	Xóm Đồng Quán	1	4.375.300,00	4.375.300,00		3.937.770,00							
3	Cầu tràn xóm Làng Chẽ	Đảng ủy, HĐND, UBND	1	904.700,00	904.700,00		768.995,00							X
4	Đường Bê tông xóm Đồng Rã, xã Dân Tiến năm 2019	Xóm Đồng Rã	1	799.832,00	497.460,00	302.372,00	559.882,40							

5	Đường bê tông xóm Đồng Rã, xã Dân Tiến	Xóm Đồng Rã	1	799.832,00	799.832,00		559.882,40							
6	Cầu tràn xóm Đồng Quán xã Dân Tiến	Xóm Đồng Quán	1	1.360.800,00	1.360.800,00		952.560,00							
7	Đường bê tông xóm Tân Tiến, xã Dân Tiến năm 2019	Xóm Tân Tiến	1	1.770.006,00	1.161.262,00	608.744,00	1.239.004,20							
8	Đường Bê tông xóm Làng Mười, xã Dân Tiến	Xóm Làng 10	1	1.770.006,00	1.770.006,00		1.239.004,20							
9	Đường Bê tông xóm Làng Mười	Xóm Làng 10	1	1.770.006,00	1.161.262,00	608.744,00	1.239.004,20							
10	Cầu tràn đèo Uỳnh, xã Dân Tiến	Xóm Làng 10	1	1.269.500,00	1.200.000,00	69.500,00	888.650,00							
11	Mương thoát nước điểm dân cư trung tâm xã Dân Tiến	Đảng ủy, HĐND, UBND	1	858.900,00	858.900,00		601.230,00							
12	Đường bê tông xóm Đồng Vòi - Ba Phiêng, xã Dân Tiến	Đảng ủy, HĐND, UBND	1	986.000,00	986.000,00		690.200,00							
13	Đường bê tông xóm Đồng vòi, Ba phiêng	Xóm Đồng Vòi	1	986.000,00	986.000,00		690.200,00							
14	Đường bê tông xóm Làng Mười	UBND	1	1.749.700,00	1.749.700,00		1.399.760,00							
15	Đường điện chiếu sáng công cộng khu dân cư trung tâm xã Dân Tiến	Xóm Đồng Chuối	1	1.268.300,00	1.268.300,00		887.810,00							X

16	Cầu tràn xóm Bắc Phong,xã Dân Tiến	Xóm Bắc Phong	1	920.000,00	872.000,00	48.000,00	644.000,00								
17	Cầu tràn xóm Làng Chẽ, Xã Dân Tiến	Xóm Làng Chẽ	1	904.700,00	859.700,00	45.000,00	633.290,00								
18	Cầu tràn Khu Nà Rào xóm Làng Chẽ, xã Dân Tiến	Xóm Làng Chẽ	1	1.055.500,00	1.055.500,00		844.400,00								
19	Cầu Tràn Đèo Uỳnh xã Dân Tiến	UBND	1	1.269.500,00	1.269.500,00		1.015.600,00								
20	Cầu tràn xóm Đồng Quán	UBND	1	1.360.800,00	1.360.800,00		1.088.640,00								
21	Đường bê tông xóm Thịnh Khánh	Xóm Thịnh Khanh	1	799.832,00	497.460,00	302.372,00	559.882,40								
22	Đường bê tông xóm Thịnh Khánh, xã Dân Tiến	Xóm Thịnh Khanh	1	799.832,00	799.832,00		559.882,40								
23	Đường bê tông xóm Bắc Phong đoạn I	Xoam Bắc Phong	1	1.488.489,30	1.488.489,30		186.061,16								
24	Đường bê tông xóm Làng Mười xã Dân Tiến năm 2021	Xóm Làng 10	1	1.041.500,00	676.300,00	365.200,00	911.312,50								
25	Đường bê tông xóm Làng Mười	Xóm Làng 10	1	1.620.265,76	1.620.265,76		202.533,22								
26	Đường bê tông xóm Tân Tiến đoạn I	Xoam Tân Tiến	1	645.076,32	645.076,32		80.634,54								
27	Đường bê tông xóm Đồng Rã	Xóm Đồng Rã	1	581.597,91	581.597,91		72.699,74								

	Tài sản dưới 500 triệu		**56**	**10.138.169,50**	**8.709.904,40**	**1.428.265,10**	**5.901.479,54**							
1	Kênh mương xóm Đồng Quán xã Dân Tiến	UBND	1	270.900,00	270.900,00		243.810,00							
2	Kênh mương xóm Bắc Phong xã Dân Tiến	UBND	1	167.200,00	167.200,00		150.480,00							
3	Kênh mương xóm Thịnh Khánh	UBND	1	270.900,00	270.900,00		243.810,00							
4	Kênh mương xóm Phương Bá, xã Dân Tiến	UBND	1	270.900,00	270.900,00		243.810,00							
5	Đường bê tông xóm Tân Tiến, xã Dân Tiến	Xóm Tân Tiến	1	400.346,00	400.346,00		280.242,20							
6	Đường bê tông ngõ xóm Tân Tiến	Xóm Tân Tiến	1	252.192,00	252.192,00		176.534,40							
7	Đường bê tông ngõ xóm Tân Tiến, xã Dân Tiến năm 2019	Xóm Tân Tiến	1	252.192,00	81.060,00	171.132,00	176.534,40							
8	Đường bê tông ngõ xóm Ba Phiêng, xã Dân Tiến	Xóm Ba Phiêng	1	104.229,00	104.229,00		72.960,30							
9	Đường bê tông ngõ xóm Đồng Chuối, xã Dân Tiến năm 2019	Xóm Đồng Chuối	1	75.935,00	16.100,00	59.835,00	53.154,50							
10	Đường bê tông xóm Làng Chẽ, xã Dân Tiến	UBND	1	395.900,00	395.900,00		316.720,00							

11	Đường bê tông xóm Tân Tiến	UBND	1	395.900,00	395.900,00		316.720,00							
12	Đường bê tông xóm Đòng Quán, xã Dân Tiến	UBND	1	395.900,00	395.900,00		316.720,00							
13	Đường bê tông xóm Đồng Rã xã Dân Tiến	UBND	1	395.900,00	395.900,00		316.720,00							
14	Đường bê tông xóm Lân Vai, xã Dân Tiến	UBND	1	237.400,00	237.400,00		189.920,00							
15	Sửa chữa trụ sở UBND xã Dân Tiến	UBND	1	494.300,00	494.300,00		395.440,00							
16	Đường bê tông ngõ xóm Bắc Phong, xã Dân Tiến năm 2019	Xoam Bắc Phong	1	252.192,00	81.060,00	171.132,00	176.534,40							
17	Đường bê tông xóm Phương Bá, xã Dân Tiến	Xóm Phương Bá	1	241.151,00	241.151,00		168.805,70							
18	Đường bê tông xóm Phương Bá, xã Dân Tiến năm 2019	Xóm Phương Bá	1	241.151,00	149.240,00	91.911,00	168.805,70							
19	Đường bê tông ngõ xóm Làng Chẽ	Xóm Làng Chẽ	1	104.229,00	104.229,00		72.960,30							
20	Đường bê tông ngõ xóm Làng Chẽ, xã Dân Tiến năm 2019	Xóm Làng Chẽ	1	104.229,00	32.340,00	71.889,00	72.960,30							
21	Đường be tông ngõ xóm Đồng Chuối	Xóm Đồng Chuối	1	75.935,00	75.935,00		53.154,50							
22	Đường bê tông xi măng xóm Đồng Quán, xã Dân Tiến	Xóm Đồng Quán	1	443.845,00	443.845,00		310.691,50							

23	Đường bê tông xi măng xóm Đồng Quán, xã Dân Tiến	Xóm Đồng Quán	1	443.845,00	226.523,00	217.322,00	44.384,50							
24	Đường bê tông ngõ xóm Đồng Quán, xã Dân Tiến năm 2019	Xóm Đồng Quán	1	148.309,00	48.594,00	99.715,00	103.816,30							
25	Đường bê tông ngõ xóm Đồng Rã, xã Dân Tiến năm 2019	Xóm Đồng Rã	1	252.192,00	81.060,00	171.132,00	176.534,40							
26	Đường bê tông ngõ xóm Ba Phiêng, xã Dân Tiến năm 2019	Xóm Ba Phiêng	1	104.229,00	32.340,00	71.889,00	72.960,30							
27	Máy tính để bàn	kế toán	1	14.900,00	14.900,00		11.920,00							
28	Máy tính để bàn	UBND	1	10.500,00	10.500,00									
29	Máy vi tinh		1	12.000,00	12.000,00									
30	BỘ MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN	BQL DỰ ÁN XÃ DÂN TIẾN	1	14.520,00	14.520,00		5.808,00							
31	Máy tính để bàn	UBND	1	14.990,00	14.990,00									
32	Máy tính để bàn	UBND	1	14.990,00	14.990,00									
33	Máy tính để bàn	UBND	1	14.990,00	14.990,00									

34	Máy tính xách tay DELL	CC Tư pháp	1	14.500,00	14.500,00		8.700,00							
35	Máy tính xách tay DELL	kế toán	1	15.000,00	15.000,00									
36	Máy tính xách tay	UBND	1	11.800,00	11.800,00									
37	Máy tính xách tay	UBND	1	11.800,00	11.800,00									
38	Máy tính để bàn	UBND	1	12.950,00	12.950,00									
39	Máy tính Samsung Galaxy Tab8	Đảng ủy, HĐND, UBND	1	21.480,00	21.480,00		17.184,00							
40	Máy tính xách tay	UBND	1	12.950,00	12.950,00									
41	Máy Scan	Đảng ủy, HĐND, UBND	1	10.000,00	10.000,00		4.000,00							
42	Máy Scan (BQL dự án xã Dân Tiến)	kế toán	1	10.000,00	10.000,00		4.000,00							
43	Đường bê tông xóm Đồng Rã	Xóm Đồng Rã	1	130.225,42	130.225,42									
44	Đường bê tông xóm Đồng rã, xã Dân Tiến năm 2021	Xóm Đồng Rã	1	390.800,00	239.642,40	151.157,60	341.950,00							
45	Đường bê tông xóm Tân Tiến đoạn II	Xoam Tân Tiến	1	378.281,46	378.281,46		47.285,18							
46	Đường bê tông xóm Đoàn Kết		1	130.225,42	130.225,42									

47	Đường bê tông xóm Đồng Quán	Xóm Đồng Quán	1	142.540,75	142.540,75									
48	Đường bê tông xóm Ba Phiêng	Xóm Ba Phiêng	1	130.225,42	130.225,42									
49	Đường bê tông xóm Thịnh Khánh	Xóm Thịnh Khánh	1	167.430,00	167.430,00		20.928,75							
50	Đường bê tông xóm Đồng Chuối	Xóm Đồng Chuối	1	60.524,39	60.524,39									
51	Đường bê tông xóm Làng Chẽ	Xóm Làng Chẽ	1	344.350,42	344.350,42									
52	Đường bê tông xóm Đồng Vòi xã Dân Tiến năm 2021	Xóm Đồng Vòi	1	432.900,00	281.749,50	151.150,50	378.787,50							
53	Đường bê tông xóm Thịnh Khánh	Xóm Thịnh Khánh	1	68.870,08	68.870,08									
54	Đường bê tông xóm Bắc Phong đoạn II	Xoam Bắc Phong	1	336.190,97	336.190,97		42.023,87							
55	Đường bê tông xóm Đồng Rã	Xóm Đồng Rã	1	406.834,16	406.834,16		101.708,54							
56	PHẦN MỀM QUẢN LÝ NGÂN SÁCH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ PABMIS	kế toán	1	10.000,00	10.000,00		2.000,00							
	Tổng		**83**	**46.669.844,78**	**42.891.647,68**	**3.778.197,10**	**31.392.497,90**							

Dân Tiến, ngày 31 tháng 12 năm 2022

Người lập biểu

Nông Văn Dũng

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

Trần Lê Dũng